**THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA**

**I. Thông tin chung về nhiệm vụ:**

1. Tên nhiệm vụ, mã số:

Đánh giá hiện trạng, năng lực và nhu cầu đổi mới công nghệ về nghiên cứu và ứng dụng công nghệ gen ở Việt Nam.

Mã số: ĐM.11.DA/15.

Thuộc: Chương trình Đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020.

2. Mục tiêu nhiệm vụ:

Mục tiêu chung: Đánh giá được hiện trạng nghiên cứu và ứng dụng CNG trên thế giới và Việt Nam. Đề xuất được công nghệ và định hướng nghiên cứu, ứng dụng CNG tại Việt Nam đến năm 2020, định hướng phát triển đến năm 2030.

Các mục tiêu cụ thể, bao gồm:

* Xây dựng khung điều tra và điều tra được hiện trạng về trình độ và năng lực công nghệ trong lĩnh vực nghiên cứu và ứng dụng CNG tại Việt Nam;
* Đánh giá được hiện trạng và năng lực công nghệ trong nghiên cứu và ứng dụng công nghệ gen tại Việt Nam;
* Đề xuất được nhu cầu và lộ trình đổi mới công nghệ về sản phẩm, quy trình công nghệ, quản lý và thị trường phục vụ xây dựng bản đồ công nghệ đối với lĩnh vực CNG ở nước ta.

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ: TS. Nguyễn Hải Hà

4. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Viện nghiên cứu hệ gen – Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

5. Tổng kinh phí thực hiện: 2.350,000 triệu đồng.

Trong đó, kinh phí từ ngân sách SNKH: 2.350,000 triệu đồng.

Kinh phí từ nguồn khác: 0 triệu đồng.

6. Thời gian thực hiện theo Hợp đồng:

Bắt đầu: 7/2015

Kết thúc: 6/2017

Thời gian thực hiện theo văn bản điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền *(nếu có)*: 7/2017 - 4/2018.

7. Danh sách thành viên chính thực hiện nhiệm vụ nêu trên gồm:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| SốTT | Họ và tên | Chức danh khoa học, học vị | **Cơ quan công tác** |
| 1 | Nguyễn Hải Hà | TS | Viện NCHG |
| 2 | Huỳnh Thị Thu Huệ | TS | Viện NCHG |
| 3 | Nông Văn Hải | PGS, TS | Viện NCHG |
| 4 | Nguyễn Thùy Dương | TS | Viện NCHG |
| 5 | Nguyễn Đăng Tôn | TS | Viện NCHG |
| 6 | Nguyễn Huy Hoàng | PGS, TS | Viện NCHG |
| 7 | Võ Thị Bích Thủy | TS | Viện NCHG |
| 8 | Lê Thị Thu Hiền | TS | Viện NCHG |
| 9 | Kim Thị Phương Oanh | TS | Viện NCHG |
| 10 | Phan Văn Chi | GS, TS | Viện CNSH |

**II. Thời gian địa điểm dự kiến tổ chức đánh giá, nghiệm thu:**

* Thời gian: tháng 8/2018
* Địa điểm: Bộ Khoa học và Công nghệ, 113 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội

**III. Nội dung tự đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ:**

1. Về sản phẩm khoa học:

1.1. Danh mục sản phẩm đã hoàn thành:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên sản phẩm** | **Số lượng** | | | **Khối lượng** | | | **Chất lượng** | | |
| Xuất sắc | Đạt | Không đạt | Xuất sắc | Đạt | Không đạt | Xuất sắc | Đạt | Không đạt |
| 1 | Báo cáo tổng hợp danh mục các công nghệ trong nghiên cứu và ứng dụng công nghệ gen và bảng mô tả chi tiết từng công nghệ, đánh giá trình độ thế giới hiện nay, xác định các thách thức cần giải quyết dựa trên nghiên cứu và phát triển của thế giới hiện nay |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 2 | Khung điều tra hiện trạng về trình độ và năng lực công nghệ bao gồm: các chỉ tiêu kỹ thuật về trang thiết bị công nghệ dựa trên danh mục công nghệ đã được xây dựng; các chỉ tiêu đánh giá năng lực R&D, năng lực quản trị và đổi mới công nghệ trong lĩnh vực nghiên cứu và ứng dụng CNG tại Việt Nam |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 3 | Báo cáo tổng hợp đầy đủ kết quả điều tra và số liệu tích hợp kết quả điều tra vào bảng chi tiết mô tả công nghệ và đánh giá được trình độ của Việt Nam so với thế giới dựa trên công nghệ tốt nhất của các cơ sở nghiên cứu, ứng dụng và doanh nghiệp của Việt Nam |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 4 | Báo cáo đánh giá và đề xuất các vấn đề liên quan tới nhu cầu và lộ trình đổi mới công nghệ về sản phẩm, quy trình công nghệ, quản lý và thị trường. |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 5 | 04 bài báo về Tổng quan được tình hình, danh mục công nghệ, xu thế phát triển, đổi mới công nghệ trong một số lĩnh vực chọn lọc của CNG |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 6 | 01 sách chuyên khảo về Tổng quan và chi tiết tình hình, xu thế phát triển, đổi mới công nghệ trong một số lĩnh vực chọn lọc của CNG trên thế giới và Việt Nam. Ý kiến đề xuất được lộ trình đổi mới công nghệ cho CNG của Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030. |  | x |  |  | x |  |  | x |  |

1.2. Danh mục sản phẩm khoa học dự kiến ứng dụng, chuyển giao (nếu có):

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên sản phẩm** | **Thời gian dự kiến ứng dụng** | **Cơ quan dự kiến ứng dụng** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |

1.3.Danh mục sản phẩm khoa học đã được ứng dụng *(nếu có)*:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên sản phẩm** | **Thời gian ứng dụng** | **Tên cơ quan ứng dụng** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |

2. Về những đóng góp mới của nhiệm vụ:

Đánh giá hiện trạng, năng lực và nhu cầu đổi mới công nghệ về nghiên cứu và ứng dụng công nghệ gen ở Việt Nam”

Xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ gen ở Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến 2040.

3. Về hiệu quả của nhiệm vụ:

3.1. Hiệu quả kinh tế

Kết quả nghiên cứu của đề tài đóng góp cho việc phát triển, đổi mới công nghệ trong các cơ sở nghiên cứu, doanh nghiệp phục vụ Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia nói riêng và việc xây dựng cơ chế chính sách về KH&CN nói chung.

3.2. Hiệu quả xã hội

Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ đóng góp cho Bộ KH&CN cơ sở để giải quyết các vấn đề liên quan tới việc quản lý cũng như đầu tư cho phát triển, đổi mới công nghệ trong lĩnh vực CNG.

Kết quả nghiên cứu cũng giúp các nhà hoạch định chính sách xây dựng hệ thống cơ chế chính sách cho các tổ chức nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực công nghệ gen nhằm đạt được các kết quả nghiên cứu và ứng dụng mang lại lợi ích quốc gia.

**III. Tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ**

1. Về tiến độ thực hiện: *(đánh dấu* ***X*** *vào ô tương ứng*):

|  |  |
| --- | --- |
| *- Nộp hồ sơ đúng hạn* |  |
| *- Nộp chậm từ trên 30 ngày đến 06 tháng* |  |
| *- Nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng* |  |

2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

*- Xuất sắc*

*- Đạt*

*- Không đạt*

Cam đoan nội dung của Báo cáo là trung thực; Chủ nhiệm và các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ không sử dụng kết quả nghiên cứu của người khác trái với quy định của pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |